



VILAS 086

Số: 1488/TP/0394/1125

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Ngày: 01/12/2025  
Trang: 1/2

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước sạch 1 (Tại Trạm CNTT Đông Phước A)  
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 2,2 lít)  
3. Ngày nhận mẫu : 12/11/2025  
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh  
5. Ngày thử nghiệm : Từ 12/11/2025 đến 29/11/2025  
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG  
Áp 2, xã Vị Thủy, TP. Cần Thơ  
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày: .....  
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản lấy mẫu số 0394TP  
• Lấy mẫu theo: TCVN 6663-5:2009 và TCVN 6663-3:2016  
• Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng  
• Thời gian và địa điểm: Lúc 9h45 ngày 12/11/2025 tại Trạm CNTT Đông Phước A - Địa chỉ: xã Đông Phước, thành phố Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

| STT | Chỉ tiêu                  | Đơn vị    | Phương pháp thử            | Kết quả                | Mức giới hạn (*)       |
|-----|---------------------------|-----------|----------------------------|------------------------|------------------------|
| 1   | Coliform (iso)            | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016 | 0                      | < 1                    |
| 2   | Escherichia coli (iso)    | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016 | 0                      | < 1                    |
| 3   | Màu sắc (iso)             | TCU       | SMEWW 2120C:2023           | KPH (MDL = 4,0)        | 15                     |
| 4   | Mùi (iso)                 | -         | HD 15-TP-1.36.42           | Không phát hiện mùi lạ | Không có mùi lạ        |
| 5   | pH (iso)                  | -         | SMEWW 4500-H*.B:2023       | 8,03 (tại 26,3°C)      | Trong khoảng 6,0 - 8,5 |
| 6   | Độ đục (iso)              | NTU       | SMEWW 2130B:2023           | 0,73                   | 2                      |
| 7   | Hàm lượng Asen (As) (iso) | mg/L      | US.EPA Method 200.8        | KPH (MDL = 0,001)      | 0,01                   |
| 8   | Hàm lượng Clo dư (iso)    | mg/L      | SMEWW 4500-Cl.B:2023       | 0,72                   | Trong khoảng 0,2 - 1,0 |

Ghi chú: - (\*) QCVN 01-1:2024/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (theo yêu cầu khách hàng); - (iso): chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025; - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - Xem tiếp trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
HÓA SINH

Phạm Văn Tú



Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.  
2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.  
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

Số: 1488/TP/0394/1325



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Ngày: 01/12/2025  
Trang: 2/2

| STT | Chỉ tiêu                                                               | Đơn vị | Phương pháp thử                    | Kết quả          | Mức giới hạn (*) |
|-----|------------------------------------------------------------------------|--------|------------------------------------|------------------|------------------|
| 9   | Chỉ số Permanganat (iso)                                               | mg/L   | TCVN 6186:1996                     | KPH (MDL = 0,54) | 2                |
| 10  | Hàm lượng Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> tính theo N) (iso) | mg/L   | SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> .F:2023 | KPH (MDL = 0,03) | 1                |

CATECH

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. 2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ.  
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ  
CAN Tho TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ  
Add: No 45, 3/2 Street, Ninh Kieu Ward, Cantho City  
Email: catech@cantho.gov.vn

Tel: 0292.3830353  
Website: catech.vn



VILAS 086

Số: 1489/TP/0394/1125

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Ngày: 01/12/2025  
Trang: 1/2

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước sạch 2 (Tại Hộ Đoàn Văn Cống - Ấp Long Lợi, xã Đông Phước, TP. Cần Thơ)  
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 2,2 lít)  
3. Ngày nhận mẫu : 12/11/2025  
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh  
5. Ngày thử nghiệm : Từ 12/11/2025 đến 29/11/2025  
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG  
Ấp 2, xã Vị Thủy, TP. Cần Thơ  
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày: .....  
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản lấy mẫu số 0394TP  
• Lấy mẫu theo: TCVN 6663-5:2009 và TCVN 6663-3:2016  
• Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng  
• Thời gian và địa điểm: Lúc 9h45 ngày 12/11/2025 tại Trạm CNTT Đông Phước A - Địa chỉ: xã Đông Phước, thành phố Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

| STT | Chỉ tiêu                  | Đơn vị    | Phương pháp thử            | Kết quả                | Mức giới hạn (*)       |
|-----|---------------------------|-----------|----------------------------|------------------------|------------------------|
| 1   | Coliform (ISO)            | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016 | 0                      | < 1                    |
| 2   | Escherichia coli (ISO)    | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016 | 0                      | < 1                    |
| 3   | Màu sắc (ISO)             | TCU       | SMEWW 2120C:2023           | KPH (MDL = 4,0)        | 15                     |
| 4   | Mùi (ISO)                 | -         | HD 15-TP-1.36.42           | Không phát hiện mùi lạ | Không có mùi lạ        |
| 5   | pH (ISO)                  | -         | SMEWW 4500-H+.B:2023       | 8,13 (tại 26,4°C)      | Trong khoảng 6,0 - 8,5 |
| 6   | Độ đục (ISO)              | NTU       | SMEWW 2130B:2023           | KPH (MDL = 0,23)       | 2                      |
| 7   | Hàm lượng Asen (As) (ISO) | mg/L      | US.EPA Method 200.8        | 0,0032                 | 0,01                   |
| 8   | Hàm lượng Clo dư (ISO)    | mg/L      | SMEWW 4500-Cl.B:2023       | 0,66                   | Trong khoảng 0,2 - 1,0 |

Ghi chú: - (\*) QCVN 01-1:2024/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (theo yêu cầu khách hàng); - (ISO): chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025; - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - Xem tiếp trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

GIÁM ĐỐC  
PHÒNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.  
2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.  
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

Số: 1489/TP/0394/1125



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Ngày: 01/12/2025  
Trang: 2/2

| STT | Chỉ tiêu                                                               | Đơn vị | Phương pháp thử                    | Kết quả          | Mức giới hạn (*) |
|-----|------------------------------------------------------------------------|--------|------------------------------------|------------------|------------------|
| 9   | Chỉ số Permanganat (ISO)                                               | mg/L   | TCVN 6186:1996                     | KPH (MDL = 0,54) | 2                |
| 10  | Hàm lượng Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> tính theo N) (ISO) | mg/L   | SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> .F:2023 | KPH (MDL = 0,03) | 1                |

CATECH

- Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
- Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng  
Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
- Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ.  
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



VILAS 086

Số: 1490/TP/0394/1125

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Ngày: 01/12/2025  
Trang: 1/2

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước sạch 3 (Tại Hộ Nguyễn Văn Hẹn - Ấp Long Lợi, xã Đông Phước, TP. Cần Thơ)
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 2,2 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 12/11/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
5. Ngày thử nghiệm : Từ 12/11/2025 đến 29/11/2025
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG  
Ấp 2, xã Vị Thủy, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày: .....
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản lấy mẫu số 0394TP
- Lấy mẫu theo: TCVN 6663-5:2009 và TCVN 6663-3:2016
  - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
  - Thời gian và địa điểm: Lúc 9h45 ngày 12/11/2025 tại Trạm CNTT Đông Phước A - Địa chỉ: xã Đông Phước, thành phố Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

| STT | Chỉ tiêu                  | Đơn vị    | Phương pháp thử                   | Kết quả                | Mức giới hạn (*)       |
|-----|---------------------------|-----------|-----------------------------------|------------------------|------------------------|
| 1   | Coliform (ISO)            | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | 0                      | < 1                    |
| 2   | Escherichia coli (ISO)    | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | 0                      | < 1                    |
| 3   | Màu sắc (ISO)             | TCU       | SMEWW 2120C:2023                  | KPH (MDL = 4,0)        | 15                     |
| 4   | Mùi (ISO)                 | -         | HD 15-TP-1.36.42                  | Không phát hiện mùi lạ | Không có mùi lạ        |
| 5   | pH (ISO)                  | -         | SMEWW 4500-H <sup>+</sup> .B:2023 | 7,78 (tại 26,0°C)      | Trong khoảng 6,0 - 8,5 |
| 6   | Độ đục (ISO)              | NTU       | SMEWW 2130B:2023                  | KPH (MDL = 0,23)       | 2                      |
| 7   | Hàm lượng Asen (As) (ISO) | mg/L      | US.EPA Method 200.8               | KPH (MDL = 0,001)      | 0,01                   |
| 8   | Hàm lượng Clo dư (ISO)    | mg/L      | SMEWW 4500-Cl.B:2023              | 0,56                   | Trong khoảng 0,2 - 1,0 |

Ghi chú: - (\*) QCVN 01-1:2024/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (theo yêu cầu khách hàng); - (ISO): chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025; - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - Xem tiếp trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
HÓA SINH

Phạm Văn Tú



Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

Số: 1490/TP/0394/1125



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Ngày: 01/12/2025  
Trang: 2/2

| STT | Chỉ tiêu                                                               | Đơn vị | Phương pháp thử                    | Kết quả          | Mức giới hạn (*) |
|-----|------------------------------------------------------------------------|--------|------------------------------------|------------------|------------------|
| 9   | Chỉ số Permanganat (ISO)                                               | mg/L   | TCVN 6186:1996                     | KPH (MDL = 0,54) | 2                |
| 10  | Hàm lượng Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> tính theo N) (ISO) | mg/L   | SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> .F:2023 | KPH (MDL = 0,03) | 1                |

CATECH

- Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
- Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng  
Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
- Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ.  
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.